

Bản án số 126/2023/HNGĐ-ST

Ngày 28/09/2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị

L với anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Huân

2. Ông Nguyễn Văn Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tùng- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 09 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ L số 181/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 04 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2023/QĐXX-ST ngày 16 tháng 08 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 82/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 09 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1990; có mặt

Địa chỉ: thôn Y, xã X, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983; vắng mặt

Địa chỉ: thôn Y, xã X, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T năm 2011. Trước khi kết hôn, chị và anh T có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Lục Nam. Chị và anh T chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khi sinh con đầu lòng thì nảy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, xúc phạm nhau. Nguyên nhân do anh T lười lao động, chơi bời cờ bạc, lơ đãng dẫn đến nợ nần, không có tiền trang trải cuộc sống, một mình chị phải nuôi con nhỏ, thuê nhà trọ, cuộc sống rất khó khăn. Đến khi chị sinh con thứ hai thì kinh tế gia đình lại càng trở nên khó khăn hơn. Chị và anh T sống ly thân từ năm 2016 đến nay, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T đã hết, không thể đoàn tụ gia đình được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn T sinh được 02 con chung là Nguyễn Văn S, sinh ngày 24/12/2011 và Nguyễn Bảo An, sinh ngày 21/11/2016, đang ở với chị. Ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi 02 con. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị đang làm nghề in quảng cáo, thu nhập từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Văn T, nhưng anh T không đến trụ sở Tòa án làm việc, cũng không cung cấp cho Tòa án bản tự khai hay tài liệu, chứng cứ gì.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quĐiểm:

- Về tố tụng: Từ khi thụ L vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền nghĩa vụ, bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T; giao 02 con chung cho chị L nuôi dưỡng; cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản, không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt lần thứ hai không có L do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về quBhệ hôn nhân: Chị Trần Thị L kết hôn với anh Nguyễn Văn T trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy bBnhân dân xã X, huyện Lục Nam ngày 22/02/2011, nên đây là hôn nhân hợp pháp. BBđầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quĐiểm sống. Chị L và anh T sống ly thân, chấm dứt mọi quBhệ về tình cảm cũng như kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quBtâm đến ai. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh T đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn T sinh được hai con chung là Nguyễn Văn S, sinh ngày 24/12/2011 và Nguyễn Bảo An, sinh ngày 21/11/2016 đang ở với chị L. Ly hôn, chị L đề nghị được tiếp tục nuôi hai con. Xét chị Trần Thị L đủ điều kiện nuôi cả hai con, cháu Nguyễn Văn S có nguyện vọng được ở với mẹ nên giao cả hai con cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0014526 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang ngày 21 tháng 04 năm 2023.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về quBhệ hôn nhân*: Cho chị Trần Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Trần Thị L nuôi hai con là Nguyễn Văn S, sinh ngày 24/12/2011 và Nguyễn Bảo An, sinh ngày 21/11/2016. Anh Nguyễn Văn T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này. Việc thăm nom con không được để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí*: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0014526 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang ngày 21 tháng 04 năm 2023.

4. *Về kháng cáo*: Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Ủy ban nhân xã X;
- Lưu hồ sơ, v/p.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huân

